

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 26

Bài 1: Tìm x:

a) $\frac{3}{10} \times x = \frac{2}{5}$

.....

.....

b) $\frac{1}{8} : x = \frac{1}{2}$

.....

.....

Bài 2: Tính (theo mẫu):

Mẫu: $\bullet 2 : \frac{3}{4} = \frac{2 \times 4}{3} = \frac{8}{3}$

$\bullet \frac{3}{4} : 2 = \frac{3}{4 \times 2} = \frac{3}{8}$

a) $3 : \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{4}{5} : 3 = \dots\dots\dots$

Bài 3: Tính:

a) $\frac{5}{6} + \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$1 + \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{5}{6} - \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$1 - \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{5}{6} \times \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$1 \times \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

d) $\frac{5}{6} : \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$1 : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

Bài 4 : Tính:

a) $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3} \times \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

b) $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3} : \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

c) $\frac{1}{2} : \frac{1}{3} \times \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

d) $\frac{1}{2} : \frac{1}{3} : \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

Bài 5: Tính:

$$\begin{aligned} \text{a) } \frac{5}{6} + \frac{1}{2} : \frac{3}{4} &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } \frac{5}{6} - \frac{1}{2} \times \frac{3}{4} &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

Bài 6: Xe thứ nhất chở $\frac{2}{5}$ tấn hàng, xe thứ hai chở gấp đôi xe thứ nhất, xe thứ ba chở bằng mức trung bình của hai xe đầu. Hỏi cả ba xe chở được bao nhiêu tạ hàng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7: Một hình chữ nhật có chiều dài $\frac{4}{5}$ m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8: Viết dấu phép tính thích hợp (+, -, ×, :) vào ô trống:

$$1 \square \frac{1}{2} = 3 \square \frac{1}{2}$$

HavaMATH